

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024.

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc
2. Ông Nguyễn Đông Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 161/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Nh, sinh năm 1997 (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp 8, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp 8, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Nh (gọi tắt là bà Nh) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và tìm hiểu bà Nh với ông Nguyễn Quốc T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, hôn nhân do ông/bà cùng tự nguyện. Bà Nh và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 18/01/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến vào khoảng năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Th (giới tính: nữ), sinh ngày: 05/8/2016 và cháu Nguyễn Thị Thu Th (giới tính: nữ), sinh ngày 08/5/2018. Hiện tại cả 02 cháu đang sống chung với ông Nguyễn Quốc T. Khi ly hôn bà Nh thống nhất nhường quyền nuôi con chung cho ông Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quốc T vắng mặt. Nhưng có bản tự khai thể hiện ý kiến: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như nguyên đơn bà Nh trình bày là đúng. Nay ông T đồng ý ly hôn, khi ly hôn ông Tuấn yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn bà Lâm Thị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc T (cư trú trên địa bàn huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang). Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quốc T tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của bà Nh và ông T được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống bà Nh và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà Nh cho rằng mâu thuẫn giữa bà Nh và ông T không thể hàn gắn, bà Nh không thể tiếp tục sống chung với ông T được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà Nh và ông T nhiều lần để hòa giải, động viên ông/bà đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt. Trong khi đó bà Nh luôn cương quyết xin ly hôn. Tòa án xét thấy quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà Nh và ông T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà Nh và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà bà Nh yêu cầu xin ly hôn với ông T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh. Cho bà Nh và ông T được ly hôn với nhau.

[2.2]. Về con chung: Bà Nh và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Th (giới tính: nữ), sinh ngày: 05/8/2016 và Nguyễn Thị Thu Th (giới tính: nữ), sinh ngày 08/5/2018, khi ly hôn bà Nh nhường quyền nuôi con cho ông T, ông T cũng có nguyện vọng được nuôi chăm sóc tất cả 02 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Cẩm Th có ý kiến khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống chung với cha là ông T. Xét thấy, từ trước đến nay các cháu đều sống chung với ông T được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của các cháu cũng như ý kiến của các đương sự trong vụ kiện. Hội đồng xét xử thống nhất giao cả 02 cháu cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nh, ông T khai không có, nên Tòa án không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Nh, ông T khai không có, nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nh phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Nh đối với ông Nguyễn Quốc T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Thị Nh và ông Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: Giao các cháu tên Nguyễn Thị Cẩm Th (giới tính: nữ), sinh ngày: 05/8/2016 và cháu Nguyễn Thị Thu Th (giới tính: nữ), sinh ngày 08/5/2018 cho ông Nguyễn Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Bà Lâm Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Nguyễn Quốc T chưa yêu cầu.

Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên trực tiếp nuôi con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bên không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi của các cháu, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung: Bà Nh và ông T xác định không có, nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nh và ông T xác định không có, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lâm Thị Nh phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Nh đã

nộp theo biên lai thu số 0008694 ngày 04/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- VKSND huyện Vị Thủy;
- THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã/phường đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Công bố bản án;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Tiếp